Mẫu biểu số 03

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chương: 412

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Nông nghiệp và PTNT công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 như sau:

ĐVT : Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện 9 tháng năm 2024	Ước thực hiện 9 tháng năm 2024/Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**14.911,40**	**13.207,79**	**88,6%**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	**7.466,30**	**6.602,69**	**88,4%**	
1	Lệ phí	62,70	125,46	200,1%	
2	Phí	7.403,60	6.477,23	87,5%	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**6.547,27**	**5.636,37**	**86,1%**	
1	**Chi sự nghiệp**	**5.885,70**	**3.425,73**	**58,2%**	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.885,70	3.425,73	**58,2%**	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	**Chi quản lý hành chính**	**661,57**	**2.210,64**	**334,2%**	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	661,57	2.210,64	334,2%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**897,83**	**968,73**	**107,9%**	
1	Lệ phí	62,70	125,46	200,1%	
2	Phí	835,13	843,27	101,0%	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**318.543,12**	**130.942,7**	**41,11%**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**318.543,12**	**130.942,7**	**41,11%**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**108.274,77**	**76.485,3**	**70,64%**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	106.987,75	76.016,47	71,05%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.287,02	468,82	36,43%	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**96,00**	**7,85**	**8,18%**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	96,00	7,85	8,18%	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	96,00	7,85	8,18%	
3	**Chi hoạt động kinh tế**	**210.172,35**	**54.449,52**	**25,91%**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	210.172,35	54.449,52	25,91%	

Ngày 09 tháng 10 năm 2024

Người lập

Võ Yến Ngọc

Thủ trưởng đơn vị

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH KIÊN GIANG

Trần Công Danh